

Bản án số: 44/2022/DS - ST.

Ngày: 20 - 9 - 2022.

V/v “tranh chấp đòi lại tài sản (nợ hui)”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Thanh Tâm.

2. Ông Nguyễn Thanh Rực.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Chí Điều - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2022/TLST - DS, ngày 27 tháng 4 năm 2022 về việc “tranh chấp đòi lại tài sản (nợ hui)”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2022/QĐXXST - DS, ngày 16 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1954; địa chỉ: Số X, ấp H, xã Đ, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Hà Thanh T, sinh năm 1994; Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

3. *Người làm chứng:*

3.1. Ông Trần Văn B, sinh năm 1960; địa chỉ: Số X, ấp H, xã Đ, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

3.2. Ông Nguyễn Hùng A, sinh năm 1959; địa Chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

3.3. Ông Trần Văn M, sinh năm 1966; địa chỉ: Số 40, ấp Hòa Hưng, xã Long Đức, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

3.4. Ông Trần Hoàng K; địa Chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 21/4/2022 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Trước đây, bà Phạm Thị Yến N và ông Hà Thanh T là chủ hụi, bà Nguyễn Thị N là hụi viên có tham gia góp hụi với nhau khi hụi mãn đến ngày 10/9/2017 ông T và bà N lập giấy nhận nợ chốt lại tiền hụi và ông T thừa nhận còn nợ bà N số tiền là 35.250.000 đồng và cam kết trả nợ với điều kiện là mỗi tháng trả cho bà N 1.000.000 đồng/tháng đến khi dứt nợ, bắt đầu từ ngày 20/01/2018 nhưng đến nay ông T không thực hiện như lời cam kết. Bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hà Thanh T và bà Phạm Thị yến N phải có trách nhiệm trả cho bà N số tiền 35.250.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 38.775.000 đồng. Tổng số tiền là 74.025.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Hà Thanh T có trách nhiệm trả cho bà N số tiền nợ hụi là 35.250.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 20/01/2018 cho ngày xét xử sơ thẩm là 15.000.000 đồng và yêu cầu được trả một lần.

- Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Hà Thanh T trình bày: Ông T thừa nhận có việc tổ chức chơi hụi và chốt hụi còn thiếu bà N số tiền là 35.250.000 đồng nhưng số tiền này ông T đã nhập vô số tiền thiếu của mẹ ông T thiếu bà N vào năm 2017. Ông T đã cùng mẹ có trách nhiệm trả cho bà N nay bà N lấy biên nhận ra thưa ông T nữa thì ông T không đồng ý, Ông T cho rằng việc nhập chung tiền có sự chứng kiến của ông Nguyễn Hùng A là thành viên Tổ hòa giải ấp H. Ông T và bà N chơi hụi với nhau vợ ông T là bà Nhi lúc đó chưa cưới nên không biết sự việc này. Đó là nợ riêng của ông T. Ông T không đồng ý trả cho bà N số tiền hụi 35.250.000 đồng vì đã được trả chung với số tiền nợ của mẹ ông T.

Bị đơn ông Hà Thanh T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đối với bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và buộc bị đơn ông Hà Thanh T hoàn trả số tiền hụi cho nguyên đơn là 35.250.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 20/01/2018 cho ngày xét xử sơ thẩm là 15.000.000 đồng. Tổng cộng là 50.250.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và bị đơn ông Hà Thanh T thống nhất xác định: Ông T chót hui còn nợ bà N số tiền hui là 35.250.000 đồng và tại phiên tòa bà N cũng xác định yêu cầu ông T hoàn trả số tiền hui còn nợ và các bên không có tranh chấp gì về hợp đồng góp hui. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 166, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “tranh chấp đòi lại tài sản (nợ hui)”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Trong vụ án, bị đơn Hà Thanh T hiện cư trú tại ấp H, xã Đ, huyện P, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn ông Hà Thanh T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Người làm chứng Trần Hoàng K, Trần Văn B, Nguyễn Hùng A và Trần Văn M đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2, Điều 229, khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông T.

[4] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn ông Hà Thanh T hoàn trả số tiền hui là 35.250.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 20/01/2018 cho ngày xét xử sơ thẩm là 15.000.000 đồng. Tổng cộng là 50.250.000 đồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hà Thanh T thừa nhận có chót nợ hui với bà Nguyễn Thị N số tiền hui là 35.250.000 đồng vào ngày 10/9/2017 (bút lục 21) và ông Hà Thanh T cũng thừa nhận còn nợ số tiền hui của bà Nguyễn Thị N là 35.250.000 đồng và có làm giấy nhận nợ, cam kết trả nợ cho bà N là phù hợp với chứng cứ bà N cung cấp là *“tờ giấy tập học sinh lập ngày 10/9/2017 có nội dung tôi tên Hà Thanh T, SN 1994, ngụ tại ấp Hòa Hưng, xã Đ, LP, ST trước đây tôi có hợp đồng chơi hui với bà Nguyễn Thị N thỏa thuận hiện nay tôi còn thiếu bà N: Số tiền tổng cộng là 35.250.000 (ba mươi lăm triệu hai trăm năm chục ngàn đồng...)”*. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các tình tiết nêu trên là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh trong vụ án nên Hội đồng xét xử khẳng định ông Hà Thanh T có nợ bà Nguyễn Thị N số tiền hui là 35.250.000 đồng.

Xét việc bị đơn ông Hà Thanh T cho rằng đã trả cho nguyên đơn bà N là 35.250.000 đồng nhưng số tiền này ông T đã nhập vô số tiền thiếu với mẹ ông T vào năm 2017, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại bản án số 08/2021/DS-ST ngày 25/02/2021 và biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 19/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng (bút lục 52, 53, 54, 55, 56) thể hiện bà Nguyễn Thị N, ông Hà Văn A và ông Hà Thanh T khẳng định việc tiền bà N và ông A nợ bà N không bao gồm nợ của ông T, đồng

thời tại các biên bản lấy lời khai của ông Trần Hoàng K (bút lục 36), ông Trần Văn B (bút lục số 37), ông Nguyễn Hùng A (bút lục 38) và ông Trần Văn M (bút lục 39) thì họ đều trình bày vào ngày 29/11/2019 họ có tham gia tổ hòa giải vụ việc của bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị N và đều khẳng định nợ bà N thiếu bà N là riêng, không có tính chung nợ của ông Hà Thanh T.

[6] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N về lãi suất, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn yêu cầu tiền lãi phát sinh tính từ ngày 20/01/2018 cho ngày xét xử sơ thẩm là 15.000.000 đồng. Đối chiếu với Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp nên bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền lãi là 15.000.000 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử khẳng định bị đơn ông Hà Thanh T còn nợ nguyên đơn bà Nguyễn Thị N số tiền hui là 35.250.000 đồng và tiền lãi là 15.000.000 đồng, tổng cộng là 50.250.000 đồng; trên cơ sở đó, xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 280, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 15 và Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hui, biểu phường nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Hà Thanh T phải trả lãi cho bà N theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị đơn ông Hà Thanh T phải chịu 2.512.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228, khoản 2 Điều 229, khoản 3 Điều 235 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, khoản 2 Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 15 và Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N. Buộc bị đơn ông Hà Thanh T có nghĩa vụ hoàn trả cho bà N số tiền là 50.250.000 đồng (năm mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Trong đó số tiền nợ hui là 35.250.000 đồng (ba mươi lăm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) và số tiền lãi là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Hà Thanh T phải trả lãi cho bà N theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Hà Thanh T phải chịu 2.512.500 đồng (hai triệu năm trăm mười hai nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Ánh